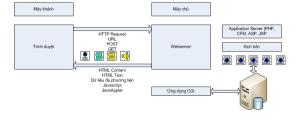
# Nội dung

- Cơ chế của dịch vụ web
- Cài đặt và cấu hình webserver
- Các thao tác cơ bản của webserver
- Khái niệm SSL
- Sử dụng SSL

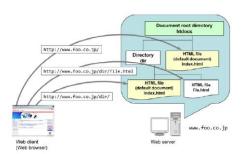
1 2

# Cơ chế của dịch vụ web

Web Server với Linux

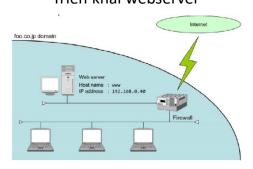


# URL và địa chỉ vật lý



3 4

# Triển khai webserver

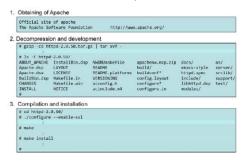


# Qui trình cài đặt

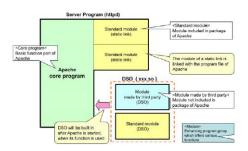


5 6

# Cài đặt Apache

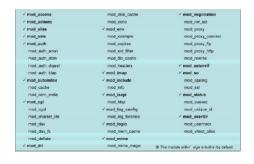


# Thành phần của Apache



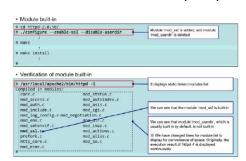
7

# Các mô đun mặc định



# Cấu hình các mô đun (tĩnh)

8

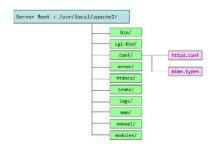


9 10

# Cấu hình các mô đun (động)



# Thư mục Apache



11 12

# Các tệp cấu hình

- /etc/apache2.conf
- Có thể gắn thêm nhiều tệp khác

# Các môi trường cấu hình

- <<u>Directory></u><<u>DirectoryMatch></u>
- <Files>
- <FilesMatch>
- <IfDefine> <lfModule>
- <IfVersion>
- <Location>
- <LocationMatch> <Proxy>
- <ProxyMatch>
- <VirtualHost>

13 14

# Các lệnh cấu hình

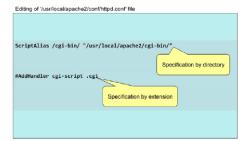
- · Chỉ dùng một dòng, không có thẻ mở và đóng
- Có thể nằm ở ngoài hoặc trong một môi trường
- Chỉ có tác dụng trong môi trường

# Cấu hình cơ bản (httpd.conf)



15 16

#### **CGI**



#### Khai báo một thư mục

- <directory></directory>
- .htaccess
- Allowoverride [None, Directive]
  - Sử dụng Directive trong .htaccess
- · Allow, Deny
  - Allow from all
  - Allow from 192.168.192.0/18 hut.edu.vn
- Order Allow, Deny

# **Options**

- All
- ExecCGI
- FollowSymLinks
- · Includes Server-side
- IncludesNOEXEC
- Indexes
- MultiViews
- SymLinksIfOwnerMatch

#### .htaccess

- Khai báo các thuộc tính của thư mục
- Được apache đọc và kích hoạt trực tiếp

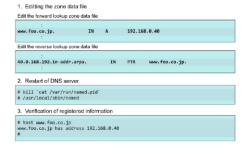
19

20

#### <Directory>

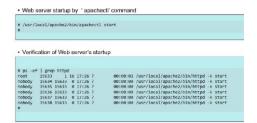
- <DirectoryMatch>
- <Files>
- <FilesMatch>
- <IfDefine>
- <IfModule>
- <IfVersion>
- <Location> <LocationMatch>
- <VirtualHost>
- <Proxy> <ProxyMatch>

# Cấu hình DNS

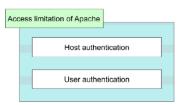


21 22

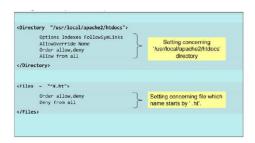
# Khởi động webserver



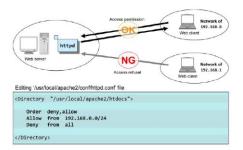
# Bảo mật webserver



# Quản lý truy cập tài nguyên



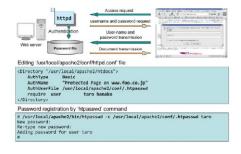
# Kiểm soát máy tính



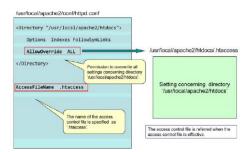
25

26

#### Kiểm soát tài khoản



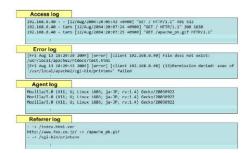
# Liên hệ giữa tệp cấu hình và tệp kiểm soát tài khoản



27

28

#### Log



# Cấu hình log

HostnameLookups Off

ErrorLog logs/crror\_log

Loglevel warn

Logformat "%h %l %u %t \*"Kr\*" %ss %b \*"%(Referer)i\*" \*"%(User-Agent)i\*""

combined

Logformat "%h %l %u %t \*"Kr\*" %ss %b" common

Logformat "%(Referer)i - %U" referer

Logformat "%(Referer)i - %U" referer

Customlog logs/access\_log common

:

Customlog logs/access\_log common

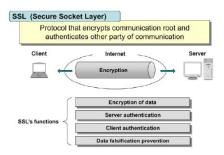
:

ECustomlog logs/referer\_log referer

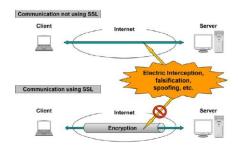
ECustomlog logs/seer\_log agent

29 30

# Khái niệm SSL

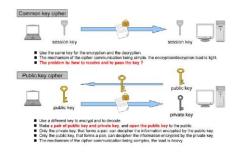


# Sư cần thiết của SSL



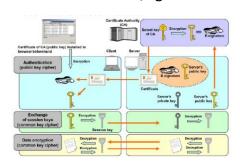
31

# Các loại mã hóa



# Cơ chế sử dụng SSL

32

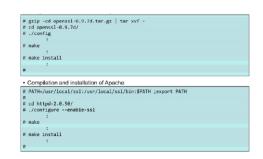


33 34

# Cài đặt SSL

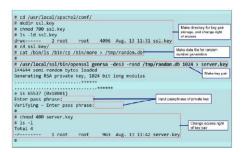


# Cài đặt SSL

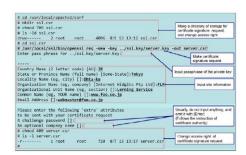


35 36

# Quản lý cặp khóa



# Ký bằng chứng chỉ

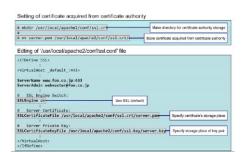


37 38

#### Xác thực

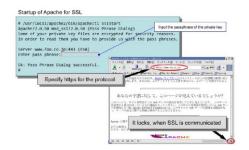


#### Cấu hình server

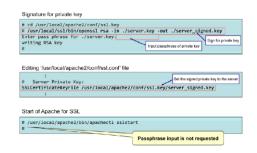


39 40

# Kiểm tra cấu hình



# Giấu mật khẩu



41 42

# Cấu hình xác thực client

# # Certificate Authority (CA): # Set the CA certificate verification path where to find CA # certificates for client authoritication or alternatively one # huge file containing all of them (file must be PEH encoded) # Note: Inside SSicaZertificatePath you need hash symlinks # to point to the certificate files. Use the provided # Naterila to update the hash symlinks after changes. SSICACERTIFICATE THE PROPERTY OF THE PROPERTY

# Chứng chỉ đơn giản

